TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B - TP.H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ
Ngày: 24/05/2018
V/v: *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Thưởng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Trình**.

2. Ông **Phan Văn Vinh**.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Phương -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B *tham gia phiên toà: Ông* ***Lê Văn Anh*** **-** Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 05 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 77/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2018 về việc "*ly hôn"*.Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 04 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Công K, sinh năm 1973;

HKTT: Số 86 Lê Lợi, phường L, thị xã S, thành phố H.

Nơi cư trú: Thôn Hòa Trung, xã V, huyện B, thành phố H.

(Anh K có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Chị Đinh Thị Thúy H, sinh năm 1979;

HKTT: Số 86 Lê Lợi, phường L, thị xã S, thành phố H.

Nơi cư trú: Thôn Hòa Trung, xã V, huyện B, Tp. H.

(Chị H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 29/01/2018 và bản tự khai ngày 15/03/2018, anh Nguyễn Công K khai như sau: Anh K và chị Đinh Thị Thúy H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thị xã S, thành phố H ngày 26/10/2001. Sau khi kết hôn vợ, chồng về ăn, ở với nhau ngay và sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau, có lần anh K đã nộp đơn tại Tòa án nhân dân thị xã S nhưng sau đó lại rút đơn ngay để vợ chồng sống đoàn tụ, nhưng đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị H vay nợ khiến anh K phải bán nhà để trả nợ. Đến tháng 4 năm 2017 thì chị H bỏ đi và mang theo con trai út của vợ, chồng tôi. Anh K và chị H sống ly thân và cắt đứt mọi tình cảm vợ, chồng từ tháng 04/2017 cho đến nay. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh K đề nghị Tòa án giải quyết cho anh K được ly hôn chị H để giải phóng cho bản thân.

Về con chung: Có 03 con chung, là cháu Nguyễn Cao C, sinh ngày 11/08/2002, cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 09/02/2007, cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 17/11/2012. Hiện nay cả ba con chung cháu C, T, H đều đang ở với chị H. Giải quyết ly hôn anh K đồng ý giao 3 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Từ khi anh K và chị H sống ly thân anh K vẫn cấp dưỡng tiền cho chị H nuôi 03 con chung, nay ly hôn anh K tự nguyện có

trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho mẹ, con chị H, anh K không đề nghị Tòa án huyện B giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản riêng: Anh K khai không có.

Về tài sản chung: Anh K khai không có.

Về nợ chung: Anh K khai không có.

Chị Đinh Thị Thúy H, Tòa án huyện B đã thông báo và gửi giấy triệu tập nhiều lần nhưng chị H nhận được nhưng cố tình không ký nhận các văn bản tố tụng, không có mặt tại Tòa án Ba Vì theo giấy triệu tập để giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân huyện B đã tiến hành xác minh Công an xã V và UBND phường L, thị xã S thì được biết chị H có hộ khẩu thường trú tại số: 86 Lê Lợi, phường L, thị xã S, H và hiện nay đang cư trú tại: Thôn Hòa Trung, xã V, huyện B, thành phố H. Do Tòa án nhân dân huyện B triệu tập chị H để giải quyết vụ án ly hôn nhiều lần, chị H cố tình không có mặt tại Tòa án. Do đó ngày 09/03/2018 Tòa án huyện B triệu tập yêu cầu chị H có mặt tại trụ sở UBND xã V vào hồi 08 giờ, ngày 09/03/2018 để giải quyết vụ án ly hôn xong chị H vẫn cố tình không có mặt. Sau đó cán bộ Tòa án B đã phối hợp cùng với cán bộ xã V đến tại nhà chị H gặp trao đổi làm việc tại nhà của chị H, yêu cầu chị H viết bản tự khai về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản riêng, tài sản chung, công nợ chung xong chị H không viết bản tự khai. Do đó cán bộ Tòa án nhân dân huyện B đã tiến hành lấy lời khai chị H có sự chứng kiến của cán bộ tư pháp, công an viên xã V. Chị H đã khai xong từ chối không ký vào biên bản lấy lời khai của Tòa án và không nhận bất cứ một văn bản tố tụng nào của Tòa án. Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự việc trên với nội dung chị H khai như sau: Về mặt tình cảm chị H không còn tình cảm với anh Nguyễn Công K nữa, tùy anh K giải quyết ly hôn đơn phương thế nào chị H không quan tâm. Nay chị đồng ý ly hôn anh K và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đơn phương chị không có ý kiến gì.

Về con chung: Chị H cho biết có: 3 con chung tên các cháu là, cháu Nguyễn Cao C, sinh ngày 11/08/2002, cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 09/02/2007, cháu

Nguyễn Minh H, sinh ngày 17/11/2012. Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng.

Về tài sản riêng: Chị H khai không có.

Về tài sản chung: Chị H khai không có.

Về nợ chung: Chị H khai không có.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu về con chung, tài sản riêng, tài sản chung, công nợ chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Đinh Thị Thúy H đã được Tòa án Ba Vì tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện VKS NS huyện B có quan điểm về trình tự giải quyết thu thập chứng cứ: Vụ án được TAND huyện B tuân thủ đúng và đầy đủ theo đúng trình tự tố tụng dân sự, từ khi nhận đơn, giải quyết đơn, ra thông báo thụ lý, lấy lời khai và ra quyết định xét xử, tống đạt các văn bản tố tụng đều hợp lệ và đều đảm bảo đúng quy trình tố tụng quy đinh không vi phạm gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Theo kết quả xác minh từ Công an xã V, huyện B, thành phố H và UBND phường L, thị xã S, thành phố H cho biết: Chị H có hộ khẩu thường trú tại số: 86 L, phường L, thị xã S, thành phố H và hiện nay đang cư trú tại: Thôn Hòa Trung, xã V, huyện B, thành phố H. Tòa án nhân dân huyện B triệu tập chị H đến Tòa án huyện B để giải quyết vụ án ly hôn nhiều lần nhưng chị H cố tình không có mặt. Ngày 09/03/2018 Tòa án huyện B triệu tập yêu cầu chị H có mặt tại trụ sở UBND xã V vào hồi 08 giờ, ngày 09/03/2018 để giải quyết vụ án ly hôn xong chị H vẫn cố tình không có mặt. Sau đó cán bộ Tòa án huyện B đã phối hợp cùng với cán bộ xã V đến tại nhà chị H gặp trao đổi làm việc tại nhà của chị H, chị H vẫn không cộng tác làm việc, không tự viết giấy tự khai thể hiện quan điểm về hôn

nhân, con chung, tài sản riêng, chung, công nợ chung, cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó Tòa án nhân dân huyện B đã tiến hành lấy lời khai chị H tại nhà, chị H khai xong kiên quyết không ký văn bản và không nhận bất cứ một văn bản tố tụng nào của Tòa án huyện B tống đạt. Chị H thể hiện thái độ bỏ mặc để Tòa án huyện B giải quyết vụ án như thế nào chị H không quan tâm. Tòa án nhân dân huyện B đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật và giải quyết vụ án ly hôn vắng mặt chị H theo qui định của pháp luật.

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Công K và chị Đinh Thị Thúy H là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thị xã S, thành phố H vào ngày 26/10/2001. Sau khi kết hôn vợ, chồng về ở với nhau ngay và sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, làm ăn kinh tế của vợ, chồng không thành công dẫn đến gặp khó khăn. Do đó vợ, chồng thường xuyên cãi nhau, anh K đã có lần nộp đơn ly hôn chị H tại Tòa án nhân dân thị xã S xong vì lý do các con chung còn nhỏ do đó anh K lại rút đơn ly hôn để vợ chồng sống đoàn tụ. Vợ, chồng chung sống với nhau tiếp tục vẫn mâu thuẫn đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn vợ, chồng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn do chị H làm ăn thua lỗ phải bán nhà, anh K và chị H đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ, chồng từ tháng 04/2017 không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ, chồng. Do vậy Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ khẳng định mâu thuẫn vợ, chồng giữa anh Nguyễn Công K và chị Đinh Thị Thúy H trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì đời sống chung vợ, chồng giữa anh K và chị H. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Công K đối với chị Đinh Thị Thúy H. Cho anh Nguyễn Công K được ly hôn chị Đinh Thị Thúy H để giải phóng cho anh K.

Về con chung: Anh K và chị H đều thừa nhận có 03 con chung, cháu Nguyễn Cao C, sinh ngày 11/08/2002, cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 09/02/2007, cháu

Nguyễn Minh H, sinh ngày 17/11/2012. Hiện nay các con chung đang ở với chị H. Trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn cháu Nguyễn Cao C thể hiện nguyện vọng tùy Tòa án huyện B giao cháu C cho bố hoặc mẹ nuôi thì cháu C đều đồng ý, cháu Nguyễn Thùy T có nguyện vọng xin được ở với chị H. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy điều kiện hoàn cảnh của chị H hiện nay gặp khó khăn về kinh tế. Tuy nhiên trong thời gian chị H và anh K sống ly thân (tháng 04/2017) cho đến nay cả 03 con chung vẫn ăn, ở với H. Về phía anh K từ khi anh K và chị H sống ly thân tháng 04/2017 cho đến nay anh K vẫn có trách nhiệm cấp dưỡng tiền, vật chất cho chị H, để chị H nuôi 03 con chung. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý đối với các con chung của chị H và anh K, do đó không cần thiết phải giao, tách 01 con chung của anh K, chị H cho anh K trực tiếp nuôi mà tiếp tục giao chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi cả 03 con chung là cháu: C, T, H cho đến khi tròn đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác là hợp lý.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Theo anh K từ khi anh K và chị H sống ly thân đến nay, chị H nuôi 03 con chung, anh K vẫn có trách nhiệm cấp dưỡng tiền cho chị H nuôi 03 con chung. Do vậy anh K không yêu cầu Tòa án huyện B giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung mà để anh K tự giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung với chị H đối với các con chung của anh và chị H. Về phía chị H cũng không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh K cho đến khi chị H có yêu cầu, hoặc khi có thay đổi khác.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức, công nợ chung: Anh K và chị H đều khai không có. Do đó Hội đồng xét xử không giải quyết.

Anh Nguyễn Công K phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147 BLTTDS và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: 1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Công K đối với chị Đinh Thị Thúy H.

2/ Cho anh Nguyễn Công K đ□ợc ly hôn chị Đinh Thị Thúy H.

3/ Con chung: Giao cho chị Đinh Thị Thúy H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, cháu Nguyễn Cao C, sinh ngày 11/08/2002, cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 09/02/2007 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 17/11/2012 cho đến khi các con chung tròn, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh K cho đến khi chị H yêu cầu, hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Anh Nguyễn Công K có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

4/ Tài sản riêng, chung, công sức, công nợ: Chưa giải quyết.

5/Án phí: Anh Nguyễn Công K phải nộp 300.000^{đ} *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Anh K đã nộp số tiền tạm ứng án 300.000đ theo biên lai thu tiền số: 0008312 ngày 05/03/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, thành phố H. Nay khấu trừ toàn bộ số tạm ứng án phí vào số tiền án phí ly hôn sơ thẩm anh K phải nộp.

Anh Nguyễn Công K đ□ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Đinh Thị Thúy H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày đ□ợc tống đạt hợp lệ bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Nơi nhận:
- TAND TP.H;
- VKS huyện B;
- THA huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đức Thưởng